

## TRI THỨC BẢN ĐỊA TRONG CANH TÁC RUỘNG BẬC THANG CỦA NGƯỜI HMÔNG Ở HUYỆN SA PA, TỈNH LÀO CAI - NHÌN TỪ GÓC ĐỘ NÔNG LỊCH

NGUYỄN TRÙNG GIANG

### 1. Ý nghĩa của tri thức bản địa đối với sự phát triển của cộng đồng

Hội nghị thượng đỉnh Trái đất lần thứ 2 về phát triển bền vững tại *Johannesburg*, nước Cộng hòa Nam Phi (2002) đã ghi nhận "*người bản địa có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học của Trái đất*"<sup>1</sup>. Theo tinh thần đó, tri thức bản địa của các tộc người thiểu số được thừa nhận như một nhân tố quan trọng cần được bảo tồn và phát huy, tri thức bản địa sẽ đồng hành và hỗ trợ cho những kiến thức khoa học hàn lâm trong xu hướng thế giới diễn ra quá trình toàn cầu hóa mạnh mẽ.

Theo tổng kết của các nhà khoa học, tri thức bản địa (*tri thức truyền thống hay kiến thức địa phương*) được hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài, qua kinh nghiệm ứng xử với môi trường và xã hội, được định hình dưới nhiều dạng thức khác nhau; trong các chuyện dân gian, lời ca tiếng hát, trong giáo huấn, trong các bài cúng lễ, luật lệ cộng đồng, nghi lễ tôn giáo và ở mức độ nào đó nó trở thành các luật tục và hương ước của các cộng đồng dân cư. Tri thức bản địa được lưu truyền từ đời này qua đời khác qua trí nhớ, qua thực tiễn sản xuất và thực hành xã hội. Nó hướng đến việc hướng dẫn và điều

hòa các quan hệ xã hội, quan hệ giữa con người và thiên nhiên. Tri thức bản địa chứa đựng trong tất cả các lĩnh vực vật chất và tinh thần của cuộc sống xã hội như sản xuất lương thực, thực phẩm, chăn nuôi gia súc, gia cầm, cất trữ và chế biến thức ăn; thu hái và sử dụng cây thuốc, cách chữa bệnh cho người và gia súc, truyền thụ kiến thức qua các thế hệ trong giáo dục, săn bắt chim thú, bảo vệ rừng cộng đồng và các nguồn sông suối trong quản lý tài nguyên thiên nhiên, tổ chức quản lý cộng đồng, giá trị xã hội, các luật lệ truyền thống trong làng bản. Tri thức bản địa là cách ứng xử của một cộng đồng nào đó để thích ứng và cải tạo thiên nhiên nhằm duy trì và phát triển xã hội của tộc người mình trong quá trình lao động sản xuất (Lê Trọng Cúc, 2003).

### 2. Người Hmông ở huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai

Dân tộc Hmông có nguồn gốc ở miền Nam Trung Quốc, sinh sống chủ yếu ở tỉnh Quý Châu. Vào thế kỷ 17, những cư dân Hmông đầu tiên đã nhập cư vào miền Bắc Việt Nam để phản đối chính sách của nhà Minh (chính sách thay những người đứng đầu làng bởi quan chức nhà Hán do triều đình bổ nhiệm). Làn sóng nhập cư thứ 2 và lớn nhất diễn ra sau năm 1886 khi hơn 10.000 người từ các tỉnh Quý Châu, Vân Nam, Quảng Tây di cư sang Việt Nam sau khi tham gia vào phong trào Thái Bình Thiên Quốc chống lại triều đình Mãn Thanh

<sup>1</sup> Tuyên ngôn của Hội nghị thượng đỉnh Trái đất lần 2 về phát triển bền vững, tổ chức từ ngày 26 tháng 8 đến 4 tháng 9 năm 2002 tại Johannesburg, Cộng hòa Nam Phi.

bị thất bại (Ngũ Tân Phúc, 2001). Ở Sa Pa, người Hmông di chuyển từ Bắc Hà sang trong đợt nhập cư thứ 2, nơi đến đầu tiên là xã San Sả Hồ. Hiện tại người Hmông đã có mặt ở tất cả 18 xã và thị trấn huyện Sa Pa với tỉ lệ dân số với toàn huyện là khá cao (52%). Do di cư đến Sa Pa muộn hơn so với các tộc người khác nên địa bàn cư trú của người Hmông thường là khu vực núi cao vì các vùng đất thấp, những rẻo đất giữa đã có những chủ nhân người Tày, Giáy với phương thức canh tác ruộng nước thung lũng chiếm giữ. Trong hoàn cảnh đó, người Hmông ở Sa Pa buộc mình phải thích ứng nên họ đã xây dựng hệ thống canh tác ruộng bậc thang, biến các sườn núi đất dốc thành những cánh đồng trồng lúa nước để sản xuất lương thực ổn định.

### **3. Nông lịch của người Hmông trong canh tác ruộng bậc thang ở Sa Pa**

Tri thức bản địa và vốn văn hóa truyền thống của người Hmông ở Sa Pa đã và đang bị mai một. Nhiều người già lo lắng rằng văn hóa của dân tộc mình cùng với những kinh nghiệm truyền thống được lưu giữ qua nhiều thế hệ đang nhanh chóng mất đi và dân tộc mình không còn đặc trưng, không có bản sắc. Họ ý thức rằng tri thức truyền thống liên quan đến việc quản lý tài nguyên thiên nhiên đối với thế hệ mai sau là rất quan trọng. Thấu hiểu những lo lắng khẩn khoản đó, chúng tôi đã cùng nhiều người Hmông cao tuổi, những người nắm giữ nhiều tri thức truyền thống ở các xã Hầu Thào, Sa Pả, Bản Khoang, Lao Chải ghi chép lại những vốn tri thức văn hóa truyền thống mà nội dung quan trọng nhất là lịch nông nghiệp của người Hmông ở Sa Pa trong quá trình canh tác ruộng bậc thang. Đó là thời gian mà người

Hmông sắp xếp những công việc đồng áng cho phù hợp với thời tiết và nhận thức của họ đối với qui luật thay đổi của thiên nhiên, thậm chí cả những thay đổi về mặt xã hội của bản làng trong một thời điểm nào đó. Phần tri thức thu nhận được trong nông lịch này chỉ là một phần nhỏ trong tổng thể tri thức của người Hmông. Nó được lưu lại bằng trí nhớ, được chuyển giao bằng hình thức truyền miệng thông qua lời kể, những câu dân ca. Thực tế, những thanh niên Hmông hiện nay hiểu biết về tri thức bản địa liên quan đến nông nghiệp ngày càng ít.

Trong những năm gần đây việc nghiên cứu tri thức bản địa một cách nghiêm túc, có hệ thống giúp các nhà khoa học ngày càng nhận ra rằng: những tri thức truyền thống trong cộng đồng các tộc người thiểu số là một nhân tố tham khảo không thể thiếu trong việc định hướng sử dụng, khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên và sự phát triển bền vững của kinh tế - xã hội ở mỗi địa phương, mỗi vùng miền. Theo xu thế đó, những nhà nghiên cứu hiện nay đang nỗ lực thông qua việc nghiên cứu liên ngành, đa ngành để tăng cường tìm hiểu tri thức bản địa ở từng cộng đồng dân tộc, để nhận thức lại lợi ích của tri thức truyền thống mà từng cộng đồng đang nắm giữ và tìm ra phương cách mới nhằm cải thiện và nâng cao cuộc sống của người dân.

#### **a. Hệ thống nông lịch truyền thống**

Bên cạnh canh tác nương rẫy, canh tác ruộng bậc thang rất phổ biến với người Hmông ở Sa Pa, Lào Cai. Trong 18 xã và thị trấn của huyện, chỉ duy nhất thị trấn Sa Pa là không ruộng, còn lại 17 xã đều có diện tích ruộng lớn nhỏ khác nhau. Xã có diện tích đất canh tác ruộng bậc thang lớn nhất là Sừ Pán,

với trên 800 ha, xã có diện tích ruộng nhỏ nhất là Suối Thầu, với trên 60 ha.

Lúa nước là loại cây sinh trưởng “khó tính” và đặc biệt nhạy cảm với thời tiết. Với đặc điểm thời tiết lạnh và khắc nghiệt như ở Sa Pa đòi hỏi người nông dân phải nắm rất chắc nông lịch để tiến hành việc gieo

trồng, chăm sóc và thu hoạch. Có thể nói, đối với người Hmông, vận hành công việc của mỗi gia đình đều bám sát vào sự phát triển của cây lúa. Nông lịch trong canh tác lúa nước trên những thửa ruộng bậc thang được người Hmông tính theo âm lịch với các đặc điểm sau:

Tháng âm lịch	Tiếng Hmông	Dấu hiệu quan sát được từ động vật và thực vật
Tháng giêng	<i>iz hli</i>	Có tiếng hươu kêu
Tháng hai	<i>aoz hli</i>	Cây cối trơ trụi
Tháng ba	<i>pêz hli</i>	Cây cối đâm chồi
Tháng tư	<i>plâuz hli</i>	Hoa nở
Tháng năm	<i>tsiz hli</i>	Có tiếng ếch kêu
Tháng sáu	<i>trâu hli</i>	Măng mọc
Tháng bảy	<i>shang hli</i>	Mưa nhiều
Tháng tám	<i>zi hli</i>	Lúa trở bông
Tháng chín	<i>chuôx hli</i>	Lúa chín
Tháng mười	<i>câuv hli</i>	Chân ruộng gặt gần hết
Tháng mười một	<i>câu iz hli</i>	Trâu ăn nhón như ngoài đồng
Tháng mười hai	<i>câuv aoz hli</i>	Tiết trời lạnh, nhiều sương mù

Thông qua việc quan sát các dấu hiệu của tự nhiên như sự biến đổi của các loại cây cỏ, và các hoạt động của một số loại động vật mà người Hmông sắp xếp công việc trồng lúa của họ cho phù hợp. Canh tác ruộng bậc thang là loại hình canh tác một vụ, ruộng có thời gian chờ mưa nên sau khi gặt lúa vào tháng mười âm lịch người Hmông để ruộng nghỉ khoảng 4 tháng. Lúc này là thời gian nông nhàn đối với người nông dân. Sau khi đất ải, một số hộ gia đình có những ruộng

gần nguồn, tháo nước vào cho đất mềm để chờ đến vụ sau. Ở những thửa ruộng có mạch nước đùn (*krao đêx exour*), người ta chỉ cần dùng cuốc khơi cho mạch nước chảy vào ruộng. Ước tính khoảng 20% những thửa ruộng ở Sa Pa có mạch nước đùn.

Trong các tháng giêng, tháng hai, tháng ba là khoảng thời gian người Hmông có thể tiến hành việc khai khẩn các thửa ruộng bậc thang mới. Để khai khẩn, họ lựa chọn những vùng đất gần nguồn nước, đất ít

đá để dễ làm bờ và cày bừa sau này. Cũng trong thời gian này, các bờ ruộng cũ được kê lại cho chắc chắn, các đường ống dẫn nước vào ruộng cũng được tu sửa lại.

Đến giữa tháng ba, sau một thời gian bỏ hóa ruộng bậc thang mọc nhiều cỏ, đặc biệt là cây cứt lợn mọc rất rậm rạp, che lấp cả các bờ thửa, người Hmông dùng dao phát sạch cỏ rồi vun thành từng đồng, đốt thành tro. Tháng ba cũng là thời điểm tiến hành việc gieo mạ. Người Hmông sẽ căn cứ vào một số dấu hiệu thiên nhiên để gieo mạ. Khi cây đùm đùm (*txir plaux dǎngx*) bắt đầu ra nụ, cây đa (*phangx khuv*) rụng lá (loại cây này chỉ rụng lá trong 3 ngày) hay quả đào (*txir đăuox*) to bằng đầu đũa là những dấu hiệu báo hiệu thời điểm gieo mạ. Họ kiêng trồng ngô, gieo mạ vào ngày có tiếng sấm (*xuz krêz yaz*) đầu tiên của năm. Người Hmông quan niệm, tiếng sấm đầu năm là ngày phát lửa sẽ thiêu cháy mọi vật, nếu gieo trồng bất cứ loại ngũ cốc nào vào ngày này thì mùa màng sẽ mất trắng.

Tháng tư, ruộng đã được cày xong, các hộ gia đình bừa lần một và dùng cuốc để làm cỏ bờ. Một số thửa bắt đầu được cấy. Thông thường, nếu mạ được gieo vào đầu tháng ba thì sẽ cấy vào cuối tháng tư. Theo kinh nghiệm, mạ đẻ quá 45 ngày sẽ già, năng suất lúa sau này không cao.

Tháng năm: Chậm nhất vào ngày mùng 5 tháng năm mạ phải được cấy.

Tháng sáu: Khi cây lúa đẻ nhiều nhánh, che lấp lối đi hay còn gọi là lúa lấp hàng (*phungxlênh*) là thời điểm cúng ruộng (*txi lax*). Đây là nghi lễ quan trọng nhất đối

với người Hmông ở Sa Pa, Lào Cai. Với nhiều gia đình, đây được coi là một nghi lễ bắt buộc. Để chuẩn bị tiến hành nghi lễ người ta phải chọn địa điểm cúng, đó là thửa ruộng chính của hộ gia đình. Một chiếc bàn cúng hình vuông (*tsêr txi lax*) đan theo lối đan mắt cáo được đặt chính giữa thửa ruộng. Ở mỗi góc bàn, người ta buộc một thân cây lau (*tul eaulyz taux weux*), ngọn của 4 thân lau được buộc túm vào nhau, trên đỉnh có một chiếc lông cánh gà trống và một miếng giấy đỏ. Lễ vật cúng ruộng gồm: một con gà trống đã biết gáy, 6 chén rượu (chén được làm từ thân cây tre hoặc cây vầu), 4 xôi giấy bản, 2 đôi đũa, 2 chiếc bát ăn cơm. Tiến hành nghi lễ cúng là người đàn ông của gia đình. Hệ thống tín ngưỡng liên quan đến chu kỳ canh tác lúa rẫy của một số tộc người ở vùng Trường Sơn - Tây Nguyên như người Ba-na, người Gia-rai cũng đã thấy xuất hiện thần lúa (*yang hri*) hay còn gọi là mẹ lúa với vai trò rất lớn (Nguyễn Trường Giang, 2002). Người Hmông ở Sa Pa quan niệm rằng họ có ông *bố ruộng* (*txir lax*) và bà *mẹ nương* (*nartêz*), đây là những vị thần có quyền lực lớn trong việc quyết định mùa màng của họ. Người Hmông ở Sa Pa đọc lời cúng theo âm tiếng Quan Hỏa nên *bố ruộng - mẹ nương* được gọi là *thiên công - tỷ mu*. Giải thích về hiện tượng này nhiều người Hmông cho rằng cách cúng và đọc theo âm Quan Hỏa làm cho *bố ruộng - mẹ nương* hiểu nhanh, và mau chóng về đến ruộng. Theo phỏng đoán của chúng tôi, rất có thể đây là một tín ngưỡng nông nghiệp được du nhập từ tộc người Hán. Tập quán cúng ruộng này cũng được người Giáy ở thôn Tả Van

thực hiện và cặp *bố ruộng - mẹ nương* cũng được gọi là *thiên công - tỷ mu*. Khi cúng, số lễ vật được gia chủ chuẩn bị như đã nêu được chia đều cho cả hai, mỗi người một bát cơm, 3 chén rượu và các đồ ăn thức uống khác. Điều đó thể hiện thái độ tôn trọng của người Hmông đối với cả *bố ruộng* và *mẹ nương*. Thời điểm cúng *bố ruộng - mẹ nương* được người Hmông ở Sa Pa tiến hành vào các ngày 6 tháng sáu, ngày 16 tháng sáu, hoặc ngày 26 tháng sáu âm lịch. Theo quan niệm của họ, sâu bọ thường phá lúa vào giai đoạn mạ vừa được cấy nên qua ngày 26 tháng sáu âm lịch, nếu có cúng sẽ không có lợi lộc vì khi đó cây lúa đã phát triển. Lời cúng trong nghi lễ cúng ruộng như sau: *Hôm nay là ngày tốt, gia chủ chúng tôi đã chuẩn bị đầy đủ lễ vật. Lúc đầu chúng tôi cúng lễ vật sống, sau đó chúng tôi sẽ nấu chín. Thiên công - tỷ mu ăn rồi thì nhớ bảo vệ ruộng cho chúng tôi, sâu bọ đến thì đuổi chúng đi, mưa gió đến thì để cho nó ngã về hướng khác, đừng làm mất mùa, làm cho lúa ra bông mấy hạt to, cho nhiều thóc lúa. Nếu vụ này nhiều lúa thì vụ sau chúng tôi trở lại sẽ cúng lễ to hơn.*

Tháng bảy: là thời gian làm cỏ lần thứ hai, phát các cây cỏ gần bờ, chú ý nhất là cây cỏ lồng vục vì cây này phát triển sẽ ăn hết chất màu mỡ của lúa.

Tháng tám: Theo truyền thống, vào tháng này người dân chú ý quan sát xem ruộng có khô cạn nước hay không để tháo thêm nước. Các thửa ruộng quá xấu người ta dùng tro và nước tiểu để bón. Hiện nay, người Hmông đã sử dụng phân bón hóa học

do Nhà nước bán như: đạm, kali, lân để bón thúc cho cây lúa mau trở bông. Cũng vào cuối tháng tám âm lịch, ở một số thửa ruộng bậc thang cấy sớm, lúa đã bắt đầu trở bông (*blêx exourr*).

Tháng chín: Lúa đã chín lác đác ở một số thửa ruộng. Đến cuối tháng chín nhiều thửa ruộng đã thu hoạch.

Tháng mười: Hạn cuối cùng cho thu hoạch lúa là ngày mùng 10 tháng mười, đó cũng là ngày tiến hành việc ăn lúa mới (*naox maor blê yaz*). Việc ăn lúa mới được người Hmông làm trong không khí gia đình ấm cúng. Người chủ nhà ra ruộng cắt từ 1 đến 2 gùi lúa. Lúa được đem về nhà phơi khô, sau đó giã gạo. Lúc này gia đình không được ăn trước bất cứ hạt gạo nào trước tổ tiên. Họ phải chuẩn bị làm cơm đãi tổ tiên. Lễ vật trong lễ cúng lúa mới gồm: một miếng gan và một vài miếng thịt lợn (hoặc một chút gan gà cùng vài miếng thịt), một chén rượu, một chiếc bát, một thìa gỗ. Người Hmông chọn những miếng thịt mềm để cúng tổ tiên vì họ quan niệm tổ tiên là những người già không còn răng nên chỉ ăn được những thức ăn mềm.

Lời cúng trong lễ cúng lúa mới đại ý là: *Một năm nay gia đình làm ăn vất vả, hôm nay là ngày tôi lên ruộng gặt lúa mới chín về. Chúng tôi đã chuẩn bị đầy đủ lễ vật, mời tổ tiên về ăn lúa mới và phù hộ cho gia đình chúng tôi; gặt bỏ tà ma, tà phá ra ngoài cửa; mở rộng cửa đón thần tài, thần tiền, bố ruộng, mẹ nương, gia cầm gia súc vào nhà; cho con cháu được khỏe mạnh, lên dốc không biết mỏi, sống dài như con suối, xanh*

*như rừng, vững chắc như tảng đá; làm ăn được mùa chúng tôi luôn nhớ đến tổ tiên.*

Sau ngày mồng 10 tháng mười, trâu bò trong làng được thả tự do trên các thửa ruộng, vì theo qui định của làng đây là thời điểm ấn định cuối cùng cho vụ thu hoạch. Các hộ thu hoạch muộn phải tự cắt cử nhau trông lúa mà không có quyền đuổi đánh trâu.

Tháng mười một, tháng mười hai: là tháng nghỉ ngơi ăn chơi, dựng nhà mới, thăm bà con, khai phá thêm các mảnh ruộng mới.

Như vậy hệ thống nông lịch truyền thống trong canh tác ruộng bậc thang của người Hmông ở Sa Pa rất chặt chẽ, gắn với sự sinh trưởng của cây lúa và đề cao tính thời vụ. Theo kinh nghiệm của người Hmông, tháng tư tháng năm âm lịch là tháng quan trọng nhất trong canh tác. Trong hai tháng này, người Hmông phải bỏ nhiều công làm đất và cấy lúa cho đúng thời vụ. Đó là khâu quyết định đối với vụ thu hoạch lúa gạo sau này. Tháng sáu gắn với nghi lễ cúng *bố ruộng - mẹ nương*, một nghi lễ quan trọng của người Hmông. Người Hmông quan niệm rằng miếng ăn là trời cho nên các nghi lễ liên quan đến mùa vụ được họ rất coi trọng.

Ruộng bậc thang đối với người Hmông là tài sản vô cùng quý báu, đó cũng là tài sản được kế thừa từ cha ông và được chuyển giao từ đời này sang đời khác. Ruộng là cơ sở sản xuất mang tính ổn định, lâu bền, là điều kiện cơ bản nhất để đồng bào có thể định canh định cư vì ruộng cung cấp nguồn lương thực tại chỗ cho họ đều đặn. Mảnh ruộng bậc thang tốt có giá trị kinh tế rất cao, được mua bán trao đổi dựa trên vật ngang giá là bạc trắng.

### **b) Hệ thống nông lịch trong thời kỳ hợp tác hóa nông nghiệp**

Mặc dù tính thời vụ trong nông lịch của người Hmông ở Sa Pa được qui định chặt chẽ và đã trở thành tri thức bản địa của cộng đồng, tồn tại lâu đời, nhưng trong thời kỳ hợp tác hóa nông nghiệp, tính thời vụ trong sản xuất nông nghiệp nói chung, canh tác ruộng bậc thang nói riêng của người Hmông ở Sa Pa không được áp dụng và đã gây ra những ảnh hưởng tiêu cực, làm thay đổi lề lối canh tác đã được đúc rút hàng trăm năm trong cộng đồng người Hmông nơi đây. Tục ngữ người Hmông vùng Sa Pa đã khẳng định tính quan trọng của thời vụ như sau:

*“Kôngz tri jông tangv iz chiu*

*Pux tri jông tangl iz siu”*

Tạm dịch:

“Mùa màng không hợp hại một vụ

Vợ chồng không hợp hại một đời”;

Hoặc *“Môi luôv eangr lix phuôv, mô kôngz eangr fix phung”*

Tạm dịch:

“Buôn bán phải theo dịp, làm ăn phải kịp thời”

Từ năm 1975 đến năm 1986 là thời kỳ các xã trong huyện Sa Pa tiến hành việc hợp tác hóa nông nghiệp với qui mô lớn. Lúc bấy giờ toàn huyện Sa Pa xuất hiện rất nhiều các hợp tác xã như: hợp tác xã hợp nhất Tả Van, Hầu Thào, Bản Phùng, Bản Kim... Cơ chế của hợp tác xã hoạt động dưới sự chỉ huy của một chủ nhiệm, cấp dưới là các đội trưởng phụ trách các đội sản xuất; xã viên làm theo công điểm, hưởng lợi bình quân.

Tư liệu sản xuất bao gồm: ruộng nương, trâu bò, cày bừa, cuốc thuổng... đều là của chung, không ai chịu trách nhiệm, từ khâu gieo trồng đến thu hoạch không được quán xuyến chặt chẽ. Hậu quả là việc canh tác không bao giờ đúng thời vụ, người nông dân đã nhiễm lệ lối làm việc theo kiểu hành chính công chức Nhà nước: 8 giờ mới có mặt ở ruộng, 11 giờ nghỉ trưa, chiều làm việc từ 2 giờ đến 4 giờ 30, hoàn toàn trái ngược với thời gian mà canh tác truyền thống người Hmông từng đúc kết: “*pêz tangs lil nxur bâu v iz tus jus*” (ba buổi sớm bằng một ngày công). Thậm chí nhiều năm đến tháng bảy có nơi mới tiến hành cấy lúa. Hậu quả là việc mất mùa và thiếu đói diễn ra triền miên, nhiều hộ gia đình tự phát bỏ làng ra đi tìm những vùng đất mới ở Lai Châu, Lào, thậm chí còn vào cả vùng Tây Nguyên xa xôi để tìm nơi sống mới. Đáng kể nhất là năm 1987, có tới 18 hộ người Hmông ở xã Sa Pả di cư tự phát sang Mường Nhé tỉnh Lai Châu, tự tìm đất canh tác riêng không phụ thuộc vào hợp tác xã. Nếp làm ăn không hợp thời vụ, kéo dài thời gian còn duy trì thêm vài năm nữa. Cho đến năm 1990, khi hợp tác xã không còn vai trò trong điều hành sản xuất, người Hmông nơi đây mới trở lại làm đúng thời vụ.

#### 4. Thay lời kết

Trong tiến trình hiện đại hóa và công nghiệp hóa, tri thức bản địa của nhiều tộc người đang bị mất dần. Tri thức bản địa có nhiều khả năng sẽ thành ký ức lộn xộn của

một cộng đồng hay của một dân tộc nếu không được nghiên cứu cụ thể và hệ thống hóa. Đây là tổn thất không thể lấy lại được đối với tính đa dạng văn hóa của một cộng đồng. Muốn duy trì sự phát triển liên tục của cộng đồng xã hội và bảo vệ môi trường thiên nhiên bền vững, phải tham khảo và đối chiếu với tri thức bản địa của cộng đồng. Đặc biệt là trong sự phát triển toàn diện hiện nay, con người ngày càng nhận thức được rằng việc phát triển nếu không tính đến tri thức địa phương sẽ dẫn tới sự phá hoại có tính chất mù quáng. Trong thời đại cần bảo vệ tính đa dạng của văn hóa, chúng ta nên coi trọng giá trị của tri thức truyền thống và kết hợp với tri thức khoa học một cách hợp lý. Điều đó đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển bền vững của cộng đồng.

#### Tài liệu tham khảo

Lê Trọng Cúc (2003), “Tiếp cận sinh thái nhân văn và phát triển bền vững vùng núi Việt Nam”, *Tạp chí Bảo vệ môi trường*.

Nguyễn Trường Giang (2002), “Tín ngưỡng trong chu kỳ canh tác nương rẫy của người Ba-na Rơ Ngao vùng ven thị xã Kon Tum”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 3.

Ngũ Tân Phúc (2001), *Miêu tộc sử*, Nhà xuất bản Dân tộc Tứ Xuyên (Hán văn).

Tuyên ngôn của Hội nghị Thượng đỉnh trái đất lần 2 về phát triển bền vững, tổ chức từ ngày 26 tháng 8 đến 4 tháng 9 năm 2002 tại Johannesburg, Cộng hòa Nam Phi.